

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

Số: 05/2023/PPE/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
- Mã chứng khoán: PPE
- Mã số thuế: 0102403985
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0962.467.861

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2022 (đã kiểm toán).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise vào ngày 27/03/2023 tại đường link Website của Công ty: <http://pvpe.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ LÝ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
PP ENTERPRISE**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
-

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch	Từ ngày 28/04/2022
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên	Từ ngày 28/04/2022
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên	Từ ngày 28/04/2022
Bà Quách Mỹ Hoa	Chủ tịch	Đến ngày 28/04/2022
Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên	Đến ngày 28/04/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Phao	Thành viên	Đến ngày 28/04/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 26/05/2022
Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc	Đến ngày 04/04/2022
Bà Lê Nguyễn Lan Vy	Giám đốc	Từ ngày 04/04/2022 đến ngày 26/05/2022

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Mạnh Trường	Chủ tịch	Từ ngày 11/05/2022
Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên	Từ ngày 11/05/2022

1388
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
NH KẾ
KIỂM T
M VIÊN
P. HỒ

024
CÔNG
CỔ P
ẤN B
NTEI
PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bách Bảo Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2023

C.T.P.
BAN
VẤN
TOÁN
DÁN
I
CHỈ M



Số : 31-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 5 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác, với ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 035-1/2021/DFK-HCM ngày 22/03/2022.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4817-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.323.842.734	18.233.143.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	80.929.602	456.489.459
1. Tiền	111		80.929.602	456.489.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.240.112.340	17.725.228.672
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.981.544.848	213.510.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.000.000	16.381.640.918
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch	134		223.055.963	223.055.963
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	15.800.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	435.112.329	1.131.622.506
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(224.600.800)	(224.600.800)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	297.401.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(297.401.567)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.800.792	51.424.954
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.448	48.619.601
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11	2.794.344	2.805.353
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		-	62.860.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(62.860.350)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.323.842.734	18.233.143.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.909.064.395	9.682.106.782
I. Nợ ngắn hạn	310		7.909.064.395	9.682.106.782
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.053.843.511	4.071.423.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	65.876.756	61.655.662
4. Phải trả người lao động	314		11.111.112	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.140.225.262	3.961.019.855
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.414.778.339	8.551.036.303
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	10.414.778.339	8.551.036.303
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.732.088.249)	(11.595.830.285)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.595.830.285)	(12.271.016.847)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.863.742.036	675.186.562
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.323.842.734	18.233.143.085

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



Tổng Giám đốc
Nguyễn Bách Bảo Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.800.000.000	5.351.711.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.800.000.000	5.351.711.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	5.051.774.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.800.000.000	299.937.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	435.179.690	613.444
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	-	18.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	286.632.402	(394.225.821)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.948.547.288	676.776.653
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	84.805.252	1.590.091
13. Lợi nhuận khác	40		(84.805.252)	(1.590.091)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.863.742.036	675.186.562
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.863.742.036	675.186.562
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	932	338

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bách Bảo Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.863.742.036	675.186.562
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	(297.401.567)	(1.345.506.347)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(435.179.690)	(613.444)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.131.160.779	(670.933.229)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	15.768.852.823	32.455.644.902
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	297.401.567	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(1.773.042.387)	(31.363.976.675)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	2.272.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.424.372.782	423.007.324
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay	23	(15.800.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.361	613.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.799.932.639)	613.444
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(375.559.857)	423.620.768
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	456.489.459	32.868.691
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	80.929.602	456.489.459

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Bách Bảo Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không ký hợp đồng với nhân viên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM);
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

6. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

0305
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ
N

11/01/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

11. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	80.534.735	21.788.196
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	394.867	434.701.263
Cộng	80.929.602	456.489.459

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Bên thứ ba	1.544.848	213.510.085
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.544.848	213.510.085
b) Bên liên quan	1.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Châu Việt	1.980.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài khoản nợ xấu như thuyết minh V.6 không có khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị Điện An Phú (*)	-	15.800.000.000
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	25.000.000	581.640.918
Cộng	25.000.000	16.381.640.918

(*) Theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời số 18/2020/EPC/AP-DKVN ngày 08/12/2020.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn (*)	5.800.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal (**)	10.000.000.000	-
Cộng	15.800.000.000	-

(*) Cho Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2909/2022/HĐVV-PPE-TBXDSG ngày 29/09/2022 với lãi suất cho vay là 8%/năm trong suốt thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 29/09/2022 đến 29/09/2023.

(*) Cho Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2608/2022/HĐMT-PPE-SAKIREAL ngày 26/08/2022 với lãi suất cho vay là 9%/năm trong suốt thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 26/08/2022 đến 26/08/2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	435.112.329	-
Trong đó:		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Sài Gòn	119.495.890	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sakireal	315.616.439	-
Ông Lê Cảnh Toàn tiền ký quỹ thuê văn phòng	-	1.000.000.000
Bên thứ ba		
Ký quỹ thuê văn phòng	-	129.622.506
Phải thu khác	-	2.000.000
Cộng	435.112.329	1.131.622.506

I-C.T.
 BAN
 VẤN
 TOÁN
 ĐẢN
 T
 CHỈ M

I-C.P.
 *
 M.S.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nợ xấu

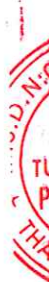
	31/12/2022		Đơn vị tính: VND 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.838	(1.544.838)	1.544.838
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	(223.055.962)	223.055.962	(223.055.962)
Cộng	224.600.800	(224.600.800)	224.600.800	(224.600.800)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		Đơn vị tính: VND 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	297.401.567
Cộng	-	-	297.401.567	(297.401.567)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND Thiết bị dụng cụ quản lý	
	31/12/2022	01/01/2022
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		62.860.350
Số tăng trong năm		-
Giảm khác		62.860.350
Số dư cuối năm		-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		62.860.350
Khấu hao trong năm		-
Giảm khác		62.860.350
Số dư cuối năm		-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		-
Tại ngày cuối năm		-
	31/12/2022	01/01/2022
Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	62.860.350



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba	3.053.843.511	3.041.423.511
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	1.383.417.944	1.370.997.944
Bên liên quan	-	1.030.000.000
Ông Lê Cảnh Toàn	-	1.030.000.000
Cộng	3.053.843.511	4.071.423.511

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba		
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Cộng	1.588.007.754	1.588.007.754

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp/ Số đã thực		Đơn vị tính: VND
		giảm trong năm nộp trong năm		31/12/2022
Phải nộp	61.655.662	123.689.720	119.468.626	65.876.756
Thuế giá trị gia tăng	57.407.063	118.324.518	114.658.980	61.072.601
Thuế thu nhập cá nhân	4.248.599	2.365.202	1.809.646	4.804.155
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	2.805.353	11.009	-	2.794.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.805.353	11.009	-	2.794.344

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên thứ ba	3.140.225.262	869.059.564
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	5.225.262	5.225.264
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	557.550.000
Phải trả tiền mượn Ông Lê Cảnh Toàn	2.841.000.000	-
Phải trả khác	-	12.284.300
Bên liên quan	-	3.091.960.291
Phải trả tiền mượn Ông Lê Cảnh Toàn	-	3.091.960.291
Cộng	3.140.225.262	3.961.019.855

(*) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQĐHCĐ-TVLDLĐK năm 2012 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(12.271.016.847)	7.875.849.741
Lãi trong năm trước			675.186.562	675.186.562
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(11.595.830.285)	8.551.036.303
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(11.595.830.285)	8.551.036.303
Lãi trong năm nay			1.863.742.036	1.863.742.036
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Ông Nguyễn Duy Hạ	4.950.000.000	24,750	4.950.000.000	24,750
Bà Nguyễn Thị Hải Minh	4.363.000.000	21,815	4.363.000.000	21,815
Ông Nguyễn Tiến Thắng	2.993.000.000	14,965	2.993.000.000	14,965
Ông Ứng Quang Sơn	1.694.000.000	8,470	1.694.000.000	8,470
Vốn góp của các đối tượng khác	6.000.000.000	30,000	6.000.000.000	30,000
Cộng	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.800.000.000	5.351.711.468
Cộng	1.800.000.000	5.351.711.468
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Châu Việt	1.800.000.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	5.051.774.080
Cộng	-	5.051.774.080

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	435.179.690	613.444
Cộng	435.179.690	613.444

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng khác	-	18.000.000
Cộng	-	18.000.000

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	36.436.058	432.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.035.744
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.345.506.347)
Chi phí dịch vụ mua hàng	247.196.344	264.836.139
Các khoản chi phí quản lý khác	-	250.408.643
Cộng	286.632.402	(394.225.821)

213
 CÔNG
 TI NIÊN
 H VỤ
 TÍNH
 KIẾ
 NAM
 TP.

13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	84.564.998	-
Chi phí khác	240.254	1.590.091
Cộng	84.805.252	1.590.091

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.863.742.036	675.186.562
Các khoản điều chỉnh	84.805.252	-
Chuyển lỗ	1.948.547.288	675.186.562
Lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất 20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế còn được chuyển của các năm trước vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.863.742.036	675.186.562
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.863.742.036	675.186.562
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	932	338

84-
 TY
 HỮU
 TƯ V
 KẾ T
 M TO
 VIỆT
 HỒ C

98
 TY
 N
 U T
 RIS
 HA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	36.436.058	432.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.196.344	282.836.139
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.345.506.347)
Chi phí khác bằng tiền	-	254.444.387
Cộng	286.632.402	(376.225.821)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán của Công ty trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán					
1	Bà Quách Mỹ Hoa	Chủ tịch HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Hải Minh	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
3	Bà Huỳnh Thị Kim Phao	Thành viên HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
4	Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên HĐQT	Đến ngày 28/04/2022	-	-
5	Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
6	Ông Trần Huỳnh Thanh Trà	Thành viên HĐQT và Thành viên UBKT	Từ ngày 28/04/2022	-	-
Ban Tổng Giám đốc					
1	Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc	Đến ngày 28/04/2022	-	144.000.000
2	Bà Lê Nguyễn Lan Vy	Giám đốc	Từ ngày 04/04/2022 đến ngày 26/05/2022	-	-
3	Ông Nguyễn Bách Bảo Vinh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 26/05/2022	36.436.058	-
	Cộng			36.436.058	144.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Đặng Quốc Thái

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Bách Bào Vinh